

Số: 30/2023/TPS-CBTT

Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GDCK**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Chúng tôi: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (“TPS”)

Mã chứng khoán: ORS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 04 và tầng 7, tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.39118014 Fax: 028.39118015.

Người thực hiện công bố thông tin: (Ông) Nguyễn Văn An – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Tầng 04 và tầng 7, tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.39118014 Fax: 028.39118015

Loại thông tin công bố: 24 giờ Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã được soát xét;
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022.

Thông tin này đã được TPS công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14 /08/2023 tại đường dẫn: <https://www.tpbs.com.vn/vi/thong-tin-tps/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/tps-bao-cao-tai-chinh-ban-nien-2023-da-kiem-toan?postId=1783>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu VT.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn An

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã được soát xét;
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 3
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	11 - 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	14 - 17
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	18
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	19 - 66

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, là một công ty chứng khoán được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và được điều chỉnh như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày điều chỉnh</u>	<u>Nội dung thay đổi</u>
72/UBCK-GPĐCCTCK	6 tháng 9 năm 2007	Tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
100/UBCK-GPĐCCTCK	28 tháng 12 năm 2007	Tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
152/2010/GCNCP-VSD	2 tháng 7 năm 2010	Niêm yết chứng khoán của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS.
30/GPĐC-UBCK	14 tháng 11 năm 2014	Thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
46/GPĐC-UBCK	20 tháng 10 năm 2015	Đời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
12/GPĐC-UBCK	30 tháng 3 năm 2017	Thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
90/GPĐC-UBCK	26 tháng 10 năm 2018	Đời trụ sở về Tầng 3, 75 – 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
07/GPĐC-UBCK	31 tháng 1 năm 2019	Điều chỉnh rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
19/GPĐC-UBCK	28 tháng 3 năm 2019	Thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
24/GPĐC-UBCK	18 tháng 4 năm 2019	Thay đổi tên Công ty từ "Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông" thành "Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong". Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.
11/GPĐC-UBCK	25 tháng 2 năm 2020	Thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, Tổng Giám đốc.
14/GPĐC-UBCK	30 tháng 3 năm 2020	Tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND. Điều chỉnh cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
71/GPĐC-UBCK	29 tháng 10 năm 2020	Tăng vốn điều lệ từ 439.600.000.000 VND lên 1.000.000.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CÔNG TY (tiếp theo)

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày điều chỉnh</u>	<u>Nội dung thay đổi</u>
65/GPĐC-UBCK	6 tháng 8 năm 2021	Tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.000.000.000.000 VND.
94/GPĐC-UBCK	26 tháng 10 năm 2021	Đời trụ sở về Tầng 4 và Tầng 7, Toà nhà Ruby, 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
94/GPĐC-UBCK	5 tháng 10 năm 2022	Điều chỉnh địa điểm đặt trụ sở chính là Tầng 4 và Tầng 7, toà nhà Doji, 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thay đổi người đại diện theo phát luật là bà Bùi Thị Thanh Trà, Tổng Giám đốc.
125/QĐ-SGDHN	12 tháng 3 năm 2019	Hủy niêm yết cổ phiếu ORS của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
183/QĐ-SGDHN	10 tháng 4 năm 2019	Cổ phiếu ORS của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2019.
550/QĐ-SGDHCM	7 tháng 10 năm 2021	Cổ phiếu ORS của Công ty chính thức niêm yết và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 4 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 4 và Tầng 7 Tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một (1) chi nhánh tại Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/bầu lại/miễn nhiệm</u>
Ông Đỗ Anh Tú	Chủ tịch	Bầu lại ngày 15 tháng 3 năm 2021
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Phó Chủ tịch Thành viên độc lập	Bầu lại ngày 26 tháng 7 năm 2022 Từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến ngày 26 tháng 7 năm 2022
Ông Trần Sơn Hải	Phó Chủ tịch Thành viên	Từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến ngày 26 tháng 7 năm 2022 Từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đến ngày 19 tháng 4 năm 2023
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Thành viên Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023 Bầu bổ sung ngày 19 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/bầu lại/miễn nhiệm</u>
Bà Đinh Thị Ngọc Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2023
Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm	Thành viên	Bầu lại ngày 19 tháng 6 năm 2022
Bà Ngô Thị Lệ Thanh	Thành viên	Bầu bổ sung ngày 11 tháng 3 tháng 2022
Bà Trần Thanh Hương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/bầu lại</u>
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2022
Ông Nguyễn Văn An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ là bà Bùi Thị Thanh Trà.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đỗ Đức Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11745416/67573440

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 7 đến trang 66, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.316.210.541.516	6.626.296.601.622
110	I. Tài sản tài chính		9.308.640.700.893	6.619.113.154.723
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	2.430.510.392.969	15.264.250.061
111.1	1.1 Tiền		2.430.510.392.969	15.264.250.061
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	1.564.381.824.935	1.797.777.817.274
114	3. Các khoản cho vay	7.2	739.191.849.371	989.753.952.462
117	4. Các khoản phải thu		653.378.531.788	2.623.333.461.130
117.1	4.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	8	631.052.407.110	2.599.293.181.000
117.2	4.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	8	22.326.124.678	24.040.280.130
117.4	4.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		22.326.124.678	24.040.280.130
118	5. Trả trước cho người bán	8	1.607.777.500	6.518.911.631
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	3.878.184.011.837	1.173.352.936.944
122	7. Các khoản phải thu khác	8	41.386.312.493	13.111.825.221
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		7.569.840.623	7.183.446.899
131	1. Tạm ứng		-	36.000.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.739.512.111	4.778.136.122
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13	55.832.080	60.832.080
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	4.774.496.432	2.308.478.697
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		54.180.716.874	80.412.265.285
220	I. Tài sản cố định		11.379.190.908	11.339.661.390
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.267.641.878	3.114.743.982
222	1.1 Nguyên giá		16.279.797.235	14.831.427.235
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(13.012.155.357)	(11.716.683.253)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.111.549.030	8.224.917.408
228	2.1 Nguyên giá		32.117.021.564	28.306.971.564
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(24.005.472.534)	(20.082.054.156)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.410.279.809	1.284.979.809
250	III. Tài sản dài hạn khác		41.391.246.157	67.787.624.086
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	2.755.184.906	4.294.236.957
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.060.573.833	1.210.072.975
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	28.017.526.266	55.225.353.002
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	9.557.961.152	7.057.961.152
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.370.391.258.390	6.706.708.866.907

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.952.436.756.829	4.398.956.657.152
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		3.952.436.756.829	1.398.956.657.152
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	16	930.000.000.000	60.000.000.000
312	1.1. Vay ngắn hạn		930.000.000.000	60.000.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	5.075.890.000	201.927.955
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn		1.589.500.000	2.264.005.770
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	29.666.331.152	38.886.261.645
323	5. Phải trả người lao động		2.521.220.062	-
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	150.510.287.588	118.102.166.363
327	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	177.335.887.309	327.800.146.735
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	2.655.737.640.718	851.702.148.684
340	II. Nợ phải trả dài hạn		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	17	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.417.954.501.561	2.307.752.209.755
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.417.954.501.561	2.307.752.209.755
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.000.877.282.000	2.000.877.282.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		877.282.000	877.282.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.560.003.920	8.560.003.920
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.560.003.920	8.560.003.920
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	23.1	399.957.211.721	289.754.919.915
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		524.153.585.960	536.971.521.768
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(124.196.374.239)	(247.216.601.853)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.370.391.258.390	6.706.708.866.907

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	24.1	402.317.121.556	407.840.282.311
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	23.2	200.000.000	200.000.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK		202.856.380.000	264.371.360.000
	3.1 Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	24.2	155.972.380.000	264.371.360.000
	3.2 Tài sản tài chính chờ thanh toán	24.3	46.884.000.000	-
010	4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	24.4	2.600.500.000	-
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	24.5	1.098.623.237.256	1.293.380.912.520
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	24.6	5.448.473.815.000	6.034.574.729.500
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		4.062.460.317.050	4.999.415.869.500
021.4	b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		1.341.710.657.950	978.922.340.000
021.5	c. Tài sản tài chính chờ thanh toán		44.302.840.000	56.236.520.000
023	2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	24.7	327.146.557.000	140.037.962.000
025	3. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	24.8	46.925.495.500	6.386.235.500

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của Nhà đầu tư	24.9	601.625.000.763	186.927.449.046
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		601.625.000.763	186.927.449.046
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	24.10	601.625.000.763	186.927.449.046
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		600.495.667.845	186.515.266.656
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.129.332.918	412.182.390
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	24.11	136.545.554.641	116.462.305.925

Người lập:

Bà Lê Trang Thủy Dung
Kế toán viên

Người kiểm tra:

Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bà Bùi Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		870.927.767.594	597.745.278.781
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	25.1	123.431.087.522	364.289.845.253
01.2	1.2 Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	25.2	173.996.161.474	19.136.813.604
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	25.3	573.500.518.598	214.318.619.924
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	25.3	-	8.580.143.845
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	25.3	56.893.332.332	94.241.287.932
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		19.645.116.695	42.829.432.655
07	5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	12.867.256.780
08	6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		1.821.162.000	31.844.446.267
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		598.545.696.587	116.032.589.908
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		12.599.750.000	551.700.000.000
11	9. Thu nhập hoạt động khác		60.417.252.047	16.801.945.272
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.620.850.077.255	1.472.642.381.440
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(874.167.964.877)	(750.191.290.189)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	25.1	(850.345.585.023)	(552.127.183.366)
21.2	1.2 Giảm chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	25.2	(23.768.107.124)	(197.686.368.137)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(54.272.730)	(377.738.686)
26	2. Chi phí hoạt động tự doanh	26	(1.649.354.462)	(2.161.361.351)
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	(26.676.985.398)	(48.801.017.154)
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	(269.009.292.115)	(201.433.521.479)
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	29	(51.098.013.509)	(121.027.578.716)
40	Cộng chi phí hoạt động		(1.222.601.610.361)	(1.123.614.768.889)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	30	3.190.747.812	866.765.636
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		3.190.747.812	866.765.636
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	1. Chi phí lãi vay		(249.070.457.367)	(150.820.603.717)
60	Cộng chi phí tài chính	31	(249.070.457.367)	(150.820.603.717)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	32	(70.642.185.126)	(80.437.787.146)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ		81.726.572.213	118.635.987.324
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác	33	55.683.546.329	6.013.001
72	2. Chi phí khác	34	-	(161.027.401)
80	Cộng kết quả hoạt động giữa niên độ khác		55.683.546.329	(155.014.400)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		137.410.118.542	118.480.972.924
91	1. Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		(12.817.935.808)	297.030.527.457
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		150.228.054.350	(178.549.554.533)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	35	(27.207.826.736)	(26.027.974.934)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.2	-	(59.425.910.291)
100.2	2. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	35.3	(27.207.826.736)	33.397.935.357
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		110.202.291.806	92.452.997.990

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		110.202.291.806	92.452.997.990
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23.3	551	462
502	2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	23.3	551	462

Người lập:

Bà Lê Trang Thùy Dung
Kế toán viên

Người kiểm tra:

Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bà Bùi Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B03a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp		137.410.118.542	118.480.972.924
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		231.963.223.171	149.948.895.541
03	- Khấu hao TSCĐ		5.218.890.482	6.857.599.523
06	- Chi phí lãi vay và trái phiếu		249.070.457.367	150.820.603.717
08	- Dự thu tiền lãi		(22.326.124.678)	(7.729.307.699)
09	- Các khoản điều chỉnh khác			-
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		23.768.107.124	197.686.368.137
11	- Chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	25.2	23.768.107.124	197.686.368.137
18	4. Giảm các khoản doanh thu phi tiền tệ		(173.996.161.474)	(19.136.813.604)
19	- Chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	25.2	(173.996.161.474)	(19.136.813.604)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.331.752.335.545	(337.981.581.728)
31	- Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		383.624.046.689	873.985.202.251
33	- Giảm các khoản cho vay		250.562.103.091	252.054.226.753
35	- Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		1.968.240.773.890	(768.770.692.600)
36	- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		24.040.280.130	-
37	- Tăng các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(2.704.831.074.893)	(818.183.158.593)
39	- Tăng các khoản phải thu khác		(29.194.435.221)	(2.655.723.737)
41	- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		39.386.631.238	44.402.813.505
42	- Giảm/(tăng) giảm chi phí trả trước		2.188.123.153	(7.008.187.626)
43	- Thuế TNDN đã nộp		(13.003.530.509)	(66.494.396.686)
44	- Lãi vay đã trả		(251.175.005.335)	(145.692.265.464)
45	- Tăng phải trả cho người bán		4.504.388.361	36.497.965.849
47	- Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		1.317.582.281	(4.886.765.924)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B03a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
48	- Tăng/(giảm) phải trả người lao động		2.521.220.062	(17.190.520.935)
50	- Tăng phải trả, phải nộp khác		1.653.571.232.608	285.959.921.479
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		1.550.897.622.908	108.997.841.270
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(5.651.480.000)	(2.638.419.950)
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.651.480.000)	(2.638.419.950)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
73	1. Tiền vay gốc		7.280.000.000.000	4.606.220.000.000
73.2	2.1 Tiền vay khác		7.280.000.000.000	4.606.220.000.000
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.410.000.000.000)	(3.710.000.000.000)
74.3	3.1 Tiền chi trả gốc vay khác		(6.410.000.000.000)	(3.710.000.000.000)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		870.000.000.000	896.220.000.000
90	TIỀN THUẦN TRONG KỲ		2.415.246.142.908	1.002.579.421.320
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	5	15.264.250.061	108.175.805.100
101.1	1. Tiền		15.264.250.061	108.175.805.100
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	5	2.430.510.392.969	1.110.755.226.420
103.1	1. Tiền		2.430.510.392.969	1.110.755.226.420

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B03a-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		7.092.378.021.868	19.138.925.173.540
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(6.379.938.798.494)	(17.542.070.952.260)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		65.450.985.321.550	33.368.551.296.074
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(65.748.726.993.207)	(34.948.077.779.658)
	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		-	(970.146.887)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		-	15.056.666.624.000
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		-	(15.056.666.624.000)
20	(Giảm)/Tăng tiền thuần trong kỳ		414.697.551.717	16.357.590.809
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	24.8	186.927.449.046	362.210.336.430
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		186.927.449.046	362.210.336.430
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		186.927.449.046	362.210.336.430
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B03a-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	24.8	601.625.000.763	378.567.927.239
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		601.625.000.763	378.567.927.239
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		601.625.000.763	378.567.927.239

Người lập:



Bà Lê Trang Thùy Dung
Kế toán viên

Người kiểm tra:



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bà Bùi Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B04a-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng (giảm)		Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Kỳ trước		Kỳ này	
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.000.877.282.000	2.000.877.282.000	-	-	2.000.877.282.000	2.000.877.282.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	-	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		877.282.000	877.282.000	-	-	877.282.000	877.282.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.560.003.920	8.560.003.920	-	-	8.560.003.920	8.560.003.920
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.560.003.920	8.560.003.920	-	-	8.560.003.920	8.560.003.920
4. Lợi nhuận chưa phân phối		154.080.070.553	289.754.919.915	237.604.617.166	(145.151.619.176)	246.533.068.543	399.957.211.721
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		163.894.364.178	536.971.521.768	237.604.617.166	-	401.498.981.344	524.153.585.960
- (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(9.814.293.625)	(247.216.601.853)	-	(145.151.619.176)	(154.965.912.801)	(124.196.374.239)
TỔNG CỘNG	23	2.172.077.360.393	2.307.752.209.755	237.604.617.166	(145.151.619.176)	2.264.530.358.383	2.417.954.501.561

Người lập:



Bà Lê Trang Thùy Dung
Kế toán viên

Người kiểm tra:



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán Trưởng



Người duyệt:



Bà Bùi Thị Thanh Trà
Kế toán Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, là một công ty chứng khoán được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các sửa đổi bổ sung.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 4 và Tầng 7 Tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một (1) chi nhánh tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 315 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 328 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.000.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.417.954.501.561 VND và tổng tài sản là 9.370.391.258.390 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu trở thành đối tác của khách hàng, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. CÔNG TY (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- ▶ Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định sau: Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ quý cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc lần lượt tại 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ tài chính của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngay khi phát sinh.

4.4 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Các khoản đầu tư HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính giữa niên độ gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính*

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại giá trị chứng khoán.
- ▶ Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây: Giá yết trên hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có) do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn cộng lãi lũy kế, giá mua cộng lãi lũy kế, mệnh giá cộng lãi lũy kế và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty cộng lãi lũy kế.
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính giữa niên độ và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48").

4.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính* (tiếp theo)

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trong kỳ trên chỉ tiêu "*Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán*" thuộc phần "*Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế TNDN*".

4.9 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" trong kỳ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do nhượng bán, thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	1 - 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm tin học	1 - 5 năm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Thuê tài sản

Việc xác định một thoả thuận có phải là thoả thuận khoản thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thoả thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thoả thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thoả thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí mua thiết bị văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

4.15 Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4.16 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.18 Lợi ích của nhân viên

4.18.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 17%) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

4.18.2 Trợ cấp thôi việc

Theo điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.18.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 0%), tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.20 Chi phí hoạt động

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu HTM, các khoản cho vay và phải thu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, uỷ thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán sáu tháng mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.23 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chi lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

4.24 *Thông tin theo bộ phận*

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

4.25 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.26 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tiền mặt tại quỹ	3.787.258	5.275.590
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	2.430.506.605.711	15.258.974.471
	2.430.510.392.969	15.264.250.061

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (Đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a. Của Công ty	878.548.041	95.545.564.306.078
- Cổ phiếu	24.603.622	449.962.863.730
- Trái phiếu	853.944.419	95.095.601.442.348
b. Của nhà đầu tư	898.447.771	13.981.733.324.934
- Cổ phiếu	886.903.221	13.743.993.731.030
- Trái phiếu	2.219.285	233.464.409.734
- Chứng khoán khác	9.325.265	4.275.184.170
	1.776.995.812	109.527.297.631.012

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	543.367.715.730	391.228.244.160	667.710.738.594	368.299.023.450
Cổ phiếu chưa niêm yết	395.900.000.000	395.900.000.000	395.900.000.000	395.900.000.000
Trái phiếu niêm yết	4.888.010.435	4.813.581.500	59.129.326.366	56.099.086.655
Trái phiếu chưa niêm yết	637.911.462.019	637.911.462.019	850.976.494.649	850.976.494.649
Chứng chỉ tiền gửi	134.528.537.256	134.528.537.256	126.503.212.520	126.503.212.520
	1.716.595.725.440	1.564.381.824.935	2.100.219.772.129	1.797.777.817.274

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản cho vay

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	682.249.676.269	682.249.676.269	935.873.977.196	935.873.977.196
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	56.942.173.102	56.942.173.102	53.879.975.266	53.879.975.266
	739.191.849.371	739.191.849.371	989.753.952.462	989.753.952.462

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.3 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023				Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
	Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá			
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND
I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)								
1. Cổ phiếu niêm yết								
VHC	104.324.943.445	-	(22.860.443.445)	81.464.500.000	97.606.677.820	-	(18.655.897.820)	78.950.780.000
BCG	93.375.169.400	-	(54.578.395.940)	38.796.773.460	93.375.169.400	-	(66.823.364.570)	26.551.804.830
PLX	90.615.145.275	-	(23.945.395.275)	66.669.750.000	78.346.631.904	-	(33.808.131.904)	44.538.500.000
NLG	83.048.292.421	-	(28.433.292.421)	54.615.000.000	88.527.894.797	-	(36.519.194.797)	52.008.700.000
TCB	44.310.769.839	-	(11.304.064.839)	33.006.705.000	70.305.267.935	-	(32.763.312.935)	37.541.955.000
POW	38.691.888.250	70.291.750	-	38.762.180.000	-	-	-	-
HCM	29.202.983.053	-	(622.288.053)	28.580.695.000	36.657.974.218	-	(13.779.974.218)	22.878.000.000
GMD	23.657.237.223	-	(416.417.223)	23.240.820.000	31.517.587.828	-	(4.713.427.828)	26.804.160.000
PTB	22.185.272.706	-	(2.318.882.706)	19.866.390.000	49.730.015.432	-	(21.288.295.432)	28.441.720.000
TCD	12.120.000.000	-	(6.957.132.500)	5.162.867.500	12.120.000.000	-	(9.226.350.000)	2.893.650.000
EIB	1.025.000.000	37.500.000	-	1.062.500.000	-	-	-	-
Khác	811.014.118	-	(810.950.918)	63.200	109.523.519.260	1.072.389	(61.834.838.029)	47.689.753.620
	543.367.715.730	107.791.750	(152.247.263.320)	391.228.244.160	667.710.738.594	1.072.389	(299.412.787.533)	368.299.023.450
2. Cổ phiếu chưa niêm yết								
HELIOS	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000
C30	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000
OTOVL	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
VINARE	2.900.000.000	-	-	2.900.000.000	2.900.000.000	-	-	2.900.000.000
	395.900.000.000	-	-	395.900.000.000	395.900.000.000	-	-	395.900.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.3 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính (tiếp theo)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023				Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá mua VND
	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND		
I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)								
3. Trái phiếu niêm yết								
SBT121002	4.888.010.435	(74.428.935)	4.813.581.500	59.129.326.366	-	(3.030.239.711)	56.099.086.655	
	4.888.010.435	(74.428.935)	4.813.581.500	59.129.326.366	-	(3.030.239.711)	56.099.086.655	
4. Trái phiếu chưa niêm yết								
DGTH2224001	285.602.104.372	-	285.602.104.372	204.472.099.228	-	-	204.472.099.228	
DBJCH2225001	134.037.337.037	-	134.037.337.037	61.084.453.084	-	-	61.084.453.084	
HQNCCH2124005	93.691.253.442	-	93.691.253.442	-	-	-	-	
TCDH2227002	41.603.359.523	-	41.603.359.523	69.104.800.097	-	-	69.104.800.097	
GDSCH2123001	28.014.540.715	-	28.014.540.715	-	-	-	-	
GKCCCH2124002	22.121.586.951	-	22.121.586.951	12.736.660.362	-	-	12.736.660.362	
HISCH2124001	7.572.695.318	-	7.572.695.318	-	-	-	-	
H79CH2124019	7.018.546.417	-	7.018.546.417	-	-	-	-	
RHGCH2124006	4.561.485.922	-	4.561.485.922	63.794.694.225	-	-	63.794.694.225	
HQNCCH2124004	3.728.002.949	-	3.728.002.949	-	-	-	-	
RHGCH2124005	3.510.154.911	-	3.510.154.911	47.883.286.090	-	-	47.883.286.090	
H79CH2124018	1.879.519.812	-	1.879.519.812	-	-	-	-	
Khác	4.570.874.650	-	4.570.874.650	391.900.501.563	-	-	391.900.501.563	
	637.911.462.019	-	637.911.462.019	850.976.494.649	-	-	850.976.494.649	
5. Chứng chỉ tiền gửi								
OTC-CCTG-2021.01.37	48.682.114.400	-	48.682.114.400	48.682.114.400	-	-	48.682.114.400	
OTC-CCTG-2020.01.58	45.175.349.000	-	45.175.349.000	45.175.349.000	-	-	45.175.349.000	
OTC-CCTG-2021.01.35	40.671.073.856	-	40.671.073.856	32.645.749.120	-	-	32.645.749.120	
	134.528.537.256	-	134.528.537.256	126.503.212.520	-	-	126.503.212.520	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Chi tiết các tài sản tài chính hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá tài sản tài chính như sau:

Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng			
	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá trị dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Giá trị dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Các khoản cho vay				Mức trích lập dự phòng trong kỳ VND
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	682.249.676.269	682.249.676.269	-	-
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	56.942.173.102	56.942.173.102	-	-
	739.191.849.371	739.191.849.371	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	631.052.407.110	2.599.293.181.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	22.326.124.678	24.040.280.130
- Dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	22.326.124.678	24.040.280.130
Trả trước cho người bán	1.607.777.500	6.518.911.631
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.878.184.011.837	1.173.352.936.944
- Phải thu hoạt động lưu ký:	560.210.877.965	453.691.961.088
<i>Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land</i>	130.204.624.040	69.954.624.040
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh – Quy Nhơn</i>	122.223.754.328	72.223.754.328
<i>Các khách hàng khác</i>	307.782.499.597	311.513.582.720
- Phải thu từ hoạt động tư vấn	12.578.675.600	9.978.925.600
- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	206.733.603	441.456.706
- Phải thu dịch vụ khác:	3.305.187.724.669	709.240.593.550
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Lion City</i>	320.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần RENATUS</i>	310.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tây Bắc Thăng Long</i>	308.200.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Artemis Investment</i>	236.147.000.000	42.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần dịch vụ Chi Thủy</i>	225.416.000.000	-
<i>Các khách hàng khác</i>	1.905.424.724.669	667.240.593.550
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.774.496.432	2.308.478.697
Các khoản phải thu khác (i)	41.386.312.493	13.111.825.221
	4.579.331.130.050	3.818.625.613.623

(i) Bao gồm trong các khoản phải thu khác là tạm ứng chi phí bán hàng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.739.512.111	4.778.136.122
- Chi phí gia hạn, bảo trì phần mềm	500.148.112	1.250.900.658
- Chi phí quản lý thành viên	240.217.384	-
- Chi phí thuê văn phòng	190.080.000	-
- Chi phí công cụ dụng cụ	126.560.841	1.165.156.921
- Chi phí thuê đường truyền dẫn	19.436.522	41.958.400
- Chi phí cải tạo văn phòng	10.570.000	932.786.812
- Chi phí mua bảo hiểm tài sản	8.429.538	29.511.999
- Các chi phí khác	1.644.069.714	1.357.821.332
Chi phí trả trước dài hạn	1.060.573.833	1.210.072.975
- Chi phí cải tạo văn phòng	901.229.514	890.609.497
- Chi phí vật dụng văn phòng	53.780.630	188.769.273
- Chi phí thuê đường truyền dẫn	26.726.192	15.552.000
- Các chi phí khác	78.837.497	115.142.205
	3.800.085.944	5.988.209.097

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	11.181.612.560	940.454.545	2.709.360.130	14.831.427.235
Tăng trong kỳ	1.448.370.000	-	-	1.448.370.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	12.629.982.560	940.454.545	2.709.360.130	16.279.797.235
Khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(8.066.868.578)	(940.454.545)	(2.709.360.130)	(11.716.683.253)
Khấu hao trong kỳ	(1.295.472.104)	-	-	(1.295.472.104)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	(9.362.340.682)	(940.454.545)	(2.709.360.130)	(13.012.155.357)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.114.743.982	-	-	3.114.743.982
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	3.267.641.878	-	-	3.267.641.878

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.480.754.075 đồng (31 tháng 12 năm 2022: 8.050.264.075 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm vi tính</i> <i>VND</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	28.306.971.564
Tăng trong kỳ	3.810.050.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>32.117.021.564</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(20.082.054.156)
Hao mòn trong kỳ	(3.923.418.378)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>(24.005.472.534)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>8.224.917.408</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>8.111.549.030</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 20.454.306.064 đồng (31 tháng 12 năm 2022: 10.071.819.589 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2023</i> <i>VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2022</i> <i>VND</i>
Nâng cấp hệ thống phần mềm	<u>1.410.279.809</u>	<u>1.284.979.809</u>

13. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2023</i> <i>VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2022</i> <i>VND</i>
Ngắn hạn	55.832.080	60.832.080
Ký quỹ dịch vụ	30.832.080	30.832.080
Ký quỹ thuê máy photo	20.000.000	25.000.000
Ký quỹ thuê kho	5.000.000	5.000.000
Dài hạn	2.755.184.906	4.294.236.957
Ký quỹ thuê văn phòng	2.619.184.906	4.158.236.957
Ký quỹ sử dụng taxi	128.000.000	8.000.000
Ký quỹ thuê xe	8.000.000	128.000.000
	<u>2.811.016.986</u>	<u>4.355.069.037</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	28.017.526.266	58.063.137.136
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến doanh thu dịch vụ lưu ký	-	(2.837.784.134)
	28.017.526.266	55.225.353.002

15. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 105/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, mỗi giới.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ/năm như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	7.234.619.511	4.704.231.591
Mức đóng theo doanh số	2.500.000.000	2.500.000.000
Tiền lãi	(296.658.359)	(266.270.439)
	9.557.961.152	7.057.961.152

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn	Lãi suất vay %/năm	Số đầu kỳ VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số tất toán trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	7,05	-	930.000.000.000	-	930.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	9,20 – 12,00	60.000.000.000	6.100.000.000.000	6.160.000.000.000	-
		60.000.000.000	7.030.000.000.000	6.160.000.000.000	930.000.000.000

17. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Trái phiếu phát hành dài hạn (i)	Lãi suất %/năm	Số đầu kỳ VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số tất toán trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
- BONDS.TPS.2020	9,20	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
- BONDS.TPS.2021	9,20	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
- BONDS.TPS.2022	9,20	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
		3.000.000.000.000	-	-	3.000.000.000.000

Trong năm 2020, Công ty đã phát hành 5 đợt trái phiếu bao gồm: BOND.TPS.2020.01, BOND.TPS.2020.02, BOND.TPS.2020.03, BOND.TPS.2020.04, BOND.TPS.2020.05 với tổng giá trị là 1.000.000.000.000 VND (mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu). Các trái phiếu được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,20%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2021.01 với tổng giá trị là 1.000.000.000 VND (mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu). Trái phiếu được hoàn trả sau 5 năm với lãi suất là 9,20%, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần.

Trong năm 2022, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2022.01 và BOND.TPS.2022.02 với tổng giá trị là 1.000.000.000 VND (mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu). Các trái phiếu được hoàn trả sau 5 năm với lãi suất 9,20%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 phản ánh các khoản phí giao dịch chứng khoán phải trả cho các sở giao dịch chứng khoán.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ VND</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.165.746.375	-	(13.003.530.509)	(2.837.784.134)
Thuế giá trị gia tăng	(2.308.478.697)	371.766.399	-	(1.936.712.298)
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ Nhà đầu tư	26.741.997.491	112.414.315.971	(113.859.599.686)	25.296.713.776
Thuế thu nhập cá nhân	1.978.517.779	14.754.985.418	(13.861.263.521)	2.872.239.676
Thuế nhà thầu	-	2.312.522.100	(815.144.400)	1.497.377.700
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
	36.577.782.948	129.857.589.888	(141.543.538.116)	24.891.834.720
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngân sách Nhà nước</i>	(2.308.478.697)			(4.774.496.432)
<i>Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước</i>	38.886.261.645			29.666.331.152

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Phí chuyên môn, hoa hồng môi giới	101.079.888.807	54.734.466.812
Chi phí lãi trái phiếu	31.732.644.910	33.830.672.306
Chi phí phải trả nhân viên	15.000.000.000	26.966.562.621
Phí giao dịch, lưu ký chứng khoán	944.270.669	1.041.677.200
Chi phí lãi vay	636.219.170	642.739.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.117.264.032	886.047.682
	150.510.287.588	118.102.166.363

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Dịch vụ lưu ký, quản lý trái phiếu:	177.335.887.309	327.800.146.735
<i>Công ty Cổ Phần Tập Đoàn R&H</i>	68.958.904.111	174.203.979.929
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Dịch Vụ Helios</i>	46.808.219.178	57.205.479.451
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên</i>	17.323.470.720	-
<i>Công ty TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn</i>	14.115.068.493	-
<i>Khách hàng khác</i>	30.130.224.807	96.390.687.355
	177.335.887.309	327.800.146.735

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải trả cổ tức, lãi trái phiếu	1.472.847.159	1.472.847.159
- <i>Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty</i>	19.412.500	19.412.500
- <i>Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết</i>	1.453.434.659	1.453.434.659
Phải trả tiền mua hộ trái phiếu	2.187.065.186.937	734.599.378.986
Phải trả tiền chi hộ lãi trái phiếu cho tổ chức phát hành	155.885.752.450	115.008.871.266
Phải trả khác	311.313.854.172	621.051.273
	2.655.737.640.718	851.702.148.684

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Lợi nhuận lũy kế đầu kỳ (Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ	289.754.919.915 (12.817.935.808) 123.020.227.614	154.080.070.553 373.077.157.590 (237.402.308.228)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	399.957.211.721	289.754.919.915

23.2 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghịệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.000.000.000.000	877.282.000	8.560.003.920	8.560.003.920	289.754.919.915	2.307.752.209.755
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	110.202.291.806	110.202.291.806
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.000.000.000.000	877.282.000	8.560.003.920	8.560.003.920	399.957.211.721	2.417.954.501.561

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Đơn vị
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	200.000.000	200.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán	200.000.000	200.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	200.000.000	200.000.000

23.3 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	110.202.291.806	92.452.997.990
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	200.000.000	200.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố pha loãng	200.000.000	200.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	551	462
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	551	462

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

24.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	488.049.164	488.049.164
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37.510.206.284	37.510.206.284
Phải thu khác khó đòi – Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như	364.277.336.109	369.800.496.864
Phải thu khác khó đòi	41.529.999	41.529.999
	402.317.121.556	407.840.282.311

24.2 Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Theo mệnh giá	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Sàn HNX	4.690.000.000	56.000.000.000
Sàn HOSE	150.658.040.000	207.747.030.000
Sàn UPCOM	624.340.000	624.330.000
	155.972.380.000	264.371.360.000

24.3 Tài sản tài chính chờ thanh toán của CTCK

	Theo mệnh giá	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Cổ phiếu	46.884.000.000	-

24.4 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Theo mệnh giá	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Cổ phiếu	2.600.500.000	-

24.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Theo mệnh giá	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Cổ phiếu	334.900.000.000	334.900.000.000
Trái phiếu	629.194.700.000	831.977.700.000
Chứng chỉ tiền gửi	134.528.537.256	126.503.212.520
	1.098.623.237.256	1.293.380.912.520

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

24.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Theo số lượng	Theo mệnh giá VND	Theo số lượng	Theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do, chuyển nhượng	406.111.385	4.062.460.317.050	500.204.865	4.999.415.869.500
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	134.171.066	1.341.710.657.950	97.892.234	978.922.340.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	4.278.988	44.302.840.000	5.623.740	56.236.520.000
	544.561.439	5.448.473.815.000	603.720.839	6.034.574.729.500

24.7 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Theo số lượng	Theo mệnh giá VND	Theo số lượng	Theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	32.572.331	327.146.557.000	14.006.448	140.037.962.000

24.8 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Theo số lượng	Theo mệnh giá VND	Theo số lượng	Theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	4.692.550	46.925.495.500	638.624	6.386.235.500

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

24.9 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	600.495.667.845	186.515.266.656
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.129.332.918	412.182.390
	601.625.000.763	186.927.449.046

24.10 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	600.495.667.845	186.515.266.656
- Nhà đầu tư nước ngoài	1.129.332.918	412.182.390
	601.625.000.763	186.927.449.046

24.11 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	136.545.554.641	116.462.305.925

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

25.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	123.431.087.522	364.289.845.253
	(850.345.585.023)	(552.127.183.366)
	(726.914.497.501)	(187.837.338.113)

Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Chi tiết lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi bán	
					Lãi bán chứng khoán cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Lãi bán chứng khoán cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
1	Cổ phiếu niêm yết	3.131.073	64.373.952.700	63.264.511.266	1.109.441.434	43.283.624.356
2	Trái phiếu niêm yết	233.341	24.488.983.886	24.488.568.666	415.220	1.266.771.602
3	Trái phiếu chưa niêm yết	164.663.163	17.184.396.668.530	17.062.199.321.065	122.197.347.465	313.365.477.333
4	Chứng chỉ tiền gửi	1.611.010	3.099.262.464.460	3.099.138.581.057	123.883.403	6.373.971.962
		169.638.587	20.372.522.069.576	20.249.090.982.054	123.431.087.522	364.289.845.253

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. LÃI(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.1 Lãi(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Chi tiết lỗ ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lỗ bán chứng khoán cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Lỗ bán chứng khoán cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
1	Cổ phiếu niêm yết	11.895.162	174.719.202.030	271.948.220.598	(97.229.018.568)	(87.019.954.324)
2	Trái phiếu niêm yết	560.000	56.000.000.000	59.129.562.805	(3.129.562.805)	(203.097.659)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	262.641.815	30.101.403.289.827	30.850.801.396.130	(749.398.106.303)	(458.910.419.083)
4	Chứng chỉ tiền gửi	3.546	4.337.818.679.819	4.338.407.577.166	(588.897.347)	(5.993.712.300)
		275.100.523	34.669.941.171.676	35.520.286.756.699	(850.345.585.023)	(552.127.183.366)

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
173.996.161.474	19.136.813.604
(23.768.107.124)	(197.686.368.137)
150.228.054.350	(178.549.554.533)

Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong kỳ VND
1	Cổ phiếu niêm yết	543.367.715.730	391.228.244.160	(152.139.471.570)	(299.411.715.144)	147.272.243.574
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	395.900.000.000	395.900.000.000	-	-	-
3	Trái phiếu chưa niêm yết	4.888.010.435	4.813.581.500	(74.428.935)	(3.030.239.711)	2.955.810.776
4	Trái phiếu chưa niêm yết	637.911.462.019	637.911.462.019	-	-	-
5	Chứng chỉ tiền gửi	134.528.537.256	134.528.537.256	-	-	-
		1.716.595.725.440	1.564.381.824.935	(152.213.900.505)	(302.441.954.855)	150.228.054.350

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL	573.500.518.598	214.318.619.924
Lãi từ tài sản tài chính HTM	-	8.580.143.845
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	56.893.332.332	94.241.287.932
	630.393.850.930	317.140.051.701

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	1.204.102.390	1.306.742.058
Chi phí thuê văn phòng	46.109.600	89.777.137
Chi phí khác	399.142.472	764.842.156
	1.649.354.462	2.161.361.351

27. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	9.918.694.984	14.108.599.990
Chi phí giao dịch chứng khoán	3.935.372.633	11.188.265.691
Chi phí môi giới chứng khoán của cộng tác viên	2.733.806.543	8.715.419.967
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.458.849.186	1.586.556.774
Chi phí thuê văn phòng	1.325.351.226	2.006.717.083
Chi phí khác	7.304.910.826	11.195.457.649
	26.676.985.398	48.801.017.154

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

28. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí hoa hồng	265.699.752.149	197.701.254.513
Chi phí lưu ký chứng khoán	1.118.834.048	1.342.235.195
Chi phí khác	2.190.705.918	2.390.031.771
	269.009.292.115	201.433.521.479

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí hoa hồng	18.457.927.431	94.672.917.572
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	17.412.483.993	12.511.267.907
Chi phí thuê văn phòng	1.311.165.896	1.245.102.961
Chi phí khác	13.916.436.189	12.598.290.276
	51.098.013.509	121.027.578.716

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Lãi tiền gửi	3.190.747.812	866.765.636

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí lãi tiền vay	81.449.298.907	49.849.845.536
Chi phí lãi trái phiếu	146.873.972.604	95.906.849.320
Chi phí tài chính khác	20.747.185.856	5.063.908.861
	249.070.457.367	150.820.603.717

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí lương và các khoản phụ cấp	36.093.193.735	35.914.630.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.485.959.978	9.636.885.268
Chi phí hoạt động chuyên môn	3.582.753.432	5.970.205.129
Chi phí thuê văn phòng	3.214.105.679	4.932.403.350
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	2.866.800.000	2.530.531.000
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.259.254.100	3.709.323.704
Chi phí công cụ dụng cụ	913.894.719	2.307.293.411
Chi phí vật tư đồ dùng văn phòng	255.236.673	406.297.959
Chi phí thuế và lệ phí	3.398.763	2.394.547
Chi phí khác	15.967.588.047	15.027.822.587
	70.642.185.126	80.437.787.146

33. THU NHẬP KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Bồi thường, phạt hợp đồng	49.949.382.656	4.780.000
Thu nhập từ thu hồi nợ đã xử lý của vụ án Huyền Như	5.523.160.755	-
Thu thanh lý công cụ, dụng cụ	210.882.909	-
Thu nhập khác	120.009	1.233.001
	55.683.546.329	6.013.001

34. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi vi phạm hành chính	-	85.000.000
Chi vi phạm hợp đồng	-	76.027.401
	-	161.027.401

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (kỳ trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35.1 Chi phí thuế TNDN

Tổng (thu nhập)/chi phí thuế TNDN của Công ty trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	- 27.207.826.736	59.425.910.291 (33.397.935.357)
	27.207.826.736	26.027.974.934

35.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	137.410.118.542	118.480.972.924
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	27.482.023.708	23.696.194.585
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL	4.753.621.425	35.709.910.906
Thù lao hội đồng quản trị	75.600.000	15.240.000
Chi phí không hợp lệ	4.082.801	4.564.800
Các khoản điều chỉnh giảm		
Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL	(34.799.232.295)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	59.425.910.291

35.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một khoản thu nhập thuế TNDN hoãn lại và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ này và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL	28.017.526.266	58.063.137.136	(27.207.826.736)	33.397.935.357
Liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	-	(2.837.784.134)	-	-
	28.017.526.266	55.225.353.002	(27.207.826.736)	33.397.935.357

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

36.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Đỗ Anh Tú	Chủ tịch HĐQT
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Phó Chủ tịch kiêm Thành viên độc lập HĐQT
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Thành viên HĐQT Kiêm Tổng giám đốc
Ông Trần Sơn Hải	Thành viên HĐQT
Bà Đinh Thị Ngọc Mai	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm	Thành viên ban kiểm soát
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Cổ đông lớn của Công ty (sở hữu 9.01%) và người liên quan của người quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Vay	6.100.000.000.000	3.710.000.000.000
	Trả nợ vay	6.160.000.000.000	3.710.000.000.000
	Lãi vay	75.463.674.543	41.461.589.039
	Lãi tiền gửi	2.067.822.389	333.273.312
	Phí bán chứng khoán	-	10.000.000
	Tư vấn	1.599.750.000	2.000.000.000
	Phí phong toả và chuyển nhượng	108.000.000	-
	Phí môi giới	5.104.379.839	99.724.973.751
	Phí chuyển khoản	-	7.435.671
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập và thù lao	378.000.000	374.634.783

Chi tiết thu nhập của các thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát của Công ty trong kỳ như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Hội đồng quản trị			
Ông Đỗ Anh Tú	Chủ tịch	120.000.000	-
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Phó Chủ tịch kiêm Thành viên độc lập	120.000.000	-
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Thành viên	22.272.727	-
Ông Trần Sơn Hải	Thành viên	37.727.273	300.000.000
Ban kiểm soát			
Bà Đinh Thị Ngọc Mai	Trưởng ban	11.136.364	-
Bà Trần Thanh Hương	Trưởng ban	18.863.636	30.000.000
Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Bà Võ Thị Xuân Lan	Thành viên	-	6.434.783
Bà Ngô Thị Lệ Thanh	Thành viên	24.000.000	14.200.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu/(trả) với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Phải thu</u>	
		<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</u>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tiền gửi thanh toán của Công ty	2.428.131.638.025	13.520.402.981
	Tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư tại Công ty	593.811.368.194	173.439.876.382

36.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

36.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</u>
Đến 1 năm	9.593.938.176	15.752.629.008
Từ 1 đến 5 năm	8.138.319.648	16.460.658.388
	17.732.257.824	32.213.287.396

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, tiền gửi, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty chịu lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết thuộc danh mục các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ của Công ty là 764.199.023.445 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 531.876.507.050 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 76.419.902.345 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 53.187.650.705 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 76.419.902.345 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 53.187.650.705 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tổn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

	Tổng cộng VND	Số dư đã dự phòng VND	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				Dưới 3 tháng VND	Từ 3 - 6 tháng VND	Trên 6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND
Số đầu kỳ	989.753.952.462	-	989.753.952.462	-	-	-	-
Số cuối kỳ	739.191.849.371	-	739.191.849.371	-	-	-	-

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Trên 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	2.430.510.392.969	-	-	2.430.510.392.969
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	1.564.381.824.935	-	-	1.564.381.824.935
Các khoản cho vay	-	-	739.191.849.371	-	739.191.849.371
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	631.052.407.110	-	631.052.407.110
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính	-	-	22.326.124.678	-	22.326.124.678
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	-	3.878.184.011.837	-	3.878.184.011.837
Trả trước cho người bán	-	-	1.607.777.500	-	1.607.777.500
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	55.832.080	-	55.832.080
Các khoản phải thu khác ngắn hạn khác – góp	-	-	41.386.312.493	-	41.386.312.493
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	2.755.184.906	2.755.184.906
Quý Hỗ trợ thanh toán	-	9.557.961.152	-	-	9.557.961.152
	-	4.004.450.179.056	5.313.804.315.069	2.755.184.906	9.321.009.679.031

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
NỢ TÀI CHÍNH					
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	-	-	930.000.000.000	-	930.000.000.000
Trái phiếu phát hành	-	-	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	5.075.890.000	-	5.075.890.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	150.510.287.588	-	150.510.287.588
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	-	2.655.737.640.718	-	-	2.655.737.640.718
	-	2.655.737.640.718	1.085.586.177.588	3.000.000.000.000	6.741.323.818.306
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	1.348.712.538.338	4.228.218.137.481	(2.997.244.815.094)	2.579.685.860.725

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:



Bà Lê Trang Thùy Dung
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thanh Nguyên
Kế toán Trưởng

Bà Bùi Thị Thanh Trà
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Số : 390/2023/TPS-CV
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận 6
tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng
đầu năm 2022

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*”, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS) giải trình về việc kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 biến động trên 10% so với kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	1,679,724,371,396	1,473,515,160,077	206,209,211,319	13.99%
	Doanh thu thực hiện	1,505,728,209,922	1,454,378,346,473	51,349,863,449	
	Doanh thu đánh giá FVTPL	173,996,161,474	19,136,813,604	154,859,347,870	
2	Chi phí	1,542,314,252,854	1,355,034,187,153	187,280,065,701	13.82%
	Chi phí thực hiện	1,518,546,145,730	1,157,347,819,016	361,198,326,714	
	Chi phí đánh giá FVTPL	23,768,107,124	197,686,368,137	(173,918,261,013)	
3	Lợi nhuận trước thuế	137,410,118,542	118,480,972,924	18,929,145,618	15.98%
4	Chi phí thuế TNDN	27,207,826,736	26,027,974,934	1,179,851,802	
5	Lợi nhuận sau thuế	110,202,291,806	92,452,997,990	17,749,293,816	19.20%

Doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 đạt hơn 1,679 tỷ đồng, tăng 13.99% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí 6 tháng đầu năm 2023 hơn 1,542 tỷ đồng, tăng 13.82% so với cùng kỳ năm trước.

Trong kỳ doanh thu và chi phí tăng chủ yếu ghi nhận từ lãi lỗ của hoạt động đầu tư tài sản tài chính và doanh thu, chi phí của nghiệp vụ lưu ký chứng khoán. Theo đó, lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2023 đạt được hơn 110 tỷ đồng, tăng 19.20% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG



Tổng Giám đốc

BÙI THỊ THANH TRÀ